

**1. Các trường hợp phải giảm tốc độ đối với người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng khi tham gia giao thông đường bộ, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật (Điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT)**

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

- Có biển cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường.
- Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế.
- Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức; nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; đường vòng; đường có địa hình quanh co, đèo dốc; đoạn đường mà mặt đường không êm thuận.
- Qua cầu, cống hẹp; khi lên gần đỉnh dốc, khi xuống dốc.
- Qua khu vực có trường học, bệnh viện, bến xe, công trình công cộng tập trung nhiều người; khu vực đông dân cư, nhà máy, công sở tập trung bên đường; khu vực đang thi công trên đường bộ; hiện trường xảy ra tai nạn giao thông.
- Khi có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.
- Có súc vật đi trên đường hoặc chặn thả ở sát đường.
- Tránh xe chạy ngược chiều hoặc khi cho xe chạy sau vượt.
- Đến gần bến xe buýt, điểm dừng đỗ xe có khách đang lên, xuống xe.
- Gặp xe ưu tiên đang thực hiện nhiệm vụ;

vụ; gặp xe quá khổ, quá tải, xe chở hàng nguy hiểm; gặp đoàn người đi bộ.

- Trời mưa; có sương mù, khói, bụi; mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, cát bụi rơi vãi.
- Khi điều khiển phương tiện đi qua khu vực trạm kiểm soát tải trọng xe, trạm cảnh sát giao thông, trạm thu phí.

**2. Tốc độ tối đa cho phép xe cơ giới trên đường bộ (trừ đường cao tốc) trong khu vực đông dân cư (Điều 6)**

Loại xe cơ giới đường bộ	Tốc độ tối đa (km/h)	
	Đường đôi (có dải phân cách giữa); đường một chiều có từ 2 làn xe cơ giới trở lên	Đường hai chiều không có dải phân cách giữa; đường một chiều có 1 làn xe cơ giới
Các phương tiện xe cơ giới, trừ xe máy chuyên dùng, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự	60	50



Công an giao thông hướng dẫn các phương tiện tham gia giao thông

**3. Tốc độ tối đa cho phép xe cơ giới trên đường bộ (trừ đường cao tốc) ngoài khu vực đông dân cư (Điều 7)**

Loại xe cơ giới đường bộ	Tốc độ tối đa (km/h)	
	Đường đôi (có dải phân cách giữa); đường một chiều có từ 2 làn xe cơ giới trở lên	Đường hai chiều không có dải phân cách giữa; đường một chiều có 1 làn xe cơ giới
Xe ô tô con, xe ô tô chở người đến 30 chỗ (trừ xe buýt); ô tô tải có trọng tải đến 3,5 tấn.	90	80
Xe ô tô chở người trên 30 chỗ (trừ xe buýt); ô tô tải có trọng tải trên 3,5 tấn.	80	70
Ô tô buýt; ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc; ô tô chuyên dùng; xe mô tô	70	60
Ô tô kéo rơ moóc; ô tô kéo xe khác	60	50

**4. Tốc độ tối đa cho phép đối với xe máy chuyên dùng, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự trên đường bộ (trừ đường cao tốc) (Điều 8)**

Các phương tiện nói trên khi tham gia giao thông thì tốc độ tối đa được xác định theo báo hiệu đường bộ và không quá 40 km/h.





## 5. Tốc độ của các loại xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trên đường cao tốc (Điều 9)

Khi tham gia giao thông trên đường cao tốc, người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng phải tuân thủ tốc độ tối đa, tốc độ tối thiểu ghi trên biển báo hiệu đường bộ. Tốc độ tối đa cho phép khai thác trên đường cao tốc không vượt quá 120 km/h.

## 6. Đặt biển báo hiệu tốc độ, biển báo hiệu khu đông dân cư (Điều 10)

➤ Việc đặt biển báo hiệu tốc độ thực hiện theo quy định của pháp luật về báo hiệu đường bộ hiện hành và phải căn cứ vào tình hình thực tế của đoạn, tuyến đường bộ cho phù hợp.

➤ Trên các đường nhánh ra, vào đường cao tốc, trường hợp đặt các biển cảnh báo hoặc biển hạn chế tốc độ thì giá trị tốc độ ghi trên biển cảnh báo, biển hạn chế tốc độ không được dưới 50 km/h.

➤ Việc đặt biển báo hiệu “Bắt đầu khu đông dân cư” và biển báo hiệu “Hết khu đông dân cư” thực hiện theo quy định của pháp luật về báo hiệu đường bộ và phải căn cứ vào tình hình dân cư thực tế hai bên đường bộ. Không đặt biển báo hiệu khu đông dân cư đối với các đoạn tuyến chưa đô thị hóa, dân cư thưa thớt và tầm nhìn không bị hạn chế.

Trong quá trình khai thác, đơn vị quản lý đường bộ chịu trách nhiệm theo dõi, chủ động kịp thời điều chỉnh, bổ sung các biển báo nêu trên cho phù hợp với thực tế và quy định hiện hành.

## 7. Giữ khoảng cách an toàn tối thiểu giữa hai xe (Điều 11)

Khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo “Cự ly tối thiểu giữa hai xe” phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo.

## 8. Khoảng cách an toàn giữa hai xe khi tham gia giao thông trên đường (Điều 12)

Trường hợp mặt đường khô ráo, khoảng cách an toàn ứng với mỗi tốc độ được quy định như sau:

Tốc độ lưu hành (km/h)	Khoảng cách an toàn tối thiểu (m)
>60	35
80	55
100	70
120	100

Khi điều khiển xe chạy với tốc độ từ 60 km/h trở xuống, trong khu vực đô thị, đông dân cư, người lái xe phải chủ động giữ khoảng cách an toàn phù hợp với xe chạy liền trước xe của mình; khoảng cách này tùy thuộc vào mật độ phương tiện, tình hình giao thông thực tế để đảm bảo an toàn.

**Trường hợp trời mưa, có sương mù, mặt đường trơn trượt, đường có địa hình quanh co, đèo dốc,** người lái xe phải điều chỉnh khoảng cách an toàn thích hợp lớn hơn khoảng cách an toàn ghi trên biển báo hoặc quy định như đối với trường hợp mặt đường khô ráo ở trên.

## BỘ TƯ PHÁP

ĐỀ ÁN “TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TẠI MỘT SỐ ĐỊA BÀN TRỌNG ĐIỂM VỀ VI PHẠM PHÁP LUẬT GIAI ĐOẠN 2013 - 2016”

## TÌM HIỂU VỀ

## TỐC ĐỘ VÀ KHOẢNG CÁCH AN TOÀN CỦA XE CƠ GIỚI, XE MÁY CHUYÊN DÙNG THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Theo Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT, ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ)



VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT  
58 - 60 TRẦN PHÚ, HÀ NỘI